

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày 05-4-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Phạm Thị Thu Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An: Bà Bùi Đức Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 24/5, khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị S, sinh năm 1969 và ông Đỗ Văn C, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Số 52/2, khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Bà S có mặt, ông C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2016 bà Phan Thị S đến nhà bà vay số tiền 40.000.000 đồng. Do quan hệ quen biết nên được bà đồng ý và 02 bên lập “giấy mượn tiền” có nội dung: Bà Phan Thị S vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn vay là một tháng; mục đích vay để chữa bao tử cho chồng là ông Đỗ Văn C và làm sổ đỏ, mua xe bánh mì, sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, đến hạn nhiều lần bà đến nhà yêu cầu vợ chồng bà S, ông C trả tiền, nhưng vợ chồng bà S, ông C không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà S, ông C phải thanh toán cho bà tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi suất 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0.75%/tháng tính từ ngày 21/10/2016 đến 21/3/2017 là $05 \text{ tháng} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\% = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “giấy mượn tiền” lập ngày 20/9/2016 có chữ ký và dấu vân tay của bà S.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phan Thị S trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà G, tuy nhiên số tiền bà vay không phải là 40.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” lập ngày 20/9/2016 mà thực tế vào khoảng năm 2014 bà vay của bà G số tiền 3.000.000 đồng; lãi suất 12%/tháng; thỏa thuận mỗi ngày bà phải trả cho bà G số tiền 120.000 đồng; mục đích vay để bà tiêu xài cá nhân, không dùng để chữa bệnh cho chồng, và làm sổ đỏ, mua xe bánh mì như nguyên đơn trình bày. Do bà trả tiền không đúng như thỏa thuận nên vào năm 2015 bà G cộng cả lãi và gốc lên số tiền 13.000.000 đồng. Sau đó, bà đã trả cho bà G nhiều lần, nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Toàn bộ giấy vay tiền do bà G lập và giữ. Do bà không có khả năng trả đủ số tiền 13.000.000 đồng nên vào ngày 20/9/2016 bà G có hành vi hăm dọa là nếu không ký vào giấy mượn tiền thì bà G sẽ đưa đơn ra Tòa án khởi kiện hoặc nói cho chồng bà biết sự việc nên bà sợ quá và ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền do bà G tự lập. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền, bà đồng ý trả 01 lần số tiền 20.000.000 đồng cho bà G sau một tháng. Trường hợp bà G buộc bà phải trả số tiền 40.000.000 đồng, bà đồng ý trả, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Riêng tiền lãi bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà S đồng ý trả cho bà G số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả được tính trên số tiền 20.000.000 đồng. Nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đỗ Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà S, nhưng ông không biết quan hệ vay mượn giữa bà S và bà G và ông cũng không biết bà S vay tiền của bà G mục đích để làm gì. Hàng ngày ông đi làm thuê mướn cũng có đủ tiền để tiêu xài nên không phải vay tiền của ai. Bà G cho rằng bà S vay tiền để chữa bệnh cho ông, đi làm sổ đỏ và mua xe bánh

mì là không đúng sự thật. Nay, bà G khởi kiện yêu cầu ông cùng bà S trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 8.000.000 đồng là không có căn cứ nên ông không chấp nhận. Nếu bà S có vay tiền của bà G thì bà S phải có trách nhiệm trả cho bà G.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 20/9/2016 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi do chậm thanh toán số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Văn C cùng bà S trả số tiền nợ gốc và lãi là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C. Ông Phạm Văn H là chồng của bà Nguyễn Thị G xác định số tiền bà G cho bà S, ông C vay là tài sản riêng của bà G, không có liên quan gì đến ông và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét, đề nghị của ông H là phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà S thừa nhận có ký và lăn tay vào “giấy mượn tiền” lập ngày 20/9/2016. Xét, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 20/9/2016 để khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị S, ông Đỗ Văn C trả cho bà số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi suất 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/3/2017. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phan Thị S cho rằng vào khoảng năm 2014, bà có vay của bà G số tiền 3.000.000 đồng; lãi suất 12%/tháng; thỏa thuận mỗi ngày bà phải trả cho bà G số tiền 120.000 đồng. Do bà trả tiền không đúng như thỏa thuận nên bà G viết giấy thể hiện bà còn nợ của bà G cả gốc và lãi là 13.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần bà

trả tiền cho bà G, nhưng không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Vào ngày 20/9/2016 bà G có hành vi hăm dọa là nếu không ký vào giấy mượn tiền thì bà G sẽ đưa đơn ra Tòa án khởi kiện hoặc nói cho chồng bà biết sự việc nên bà sợ quá và ký tên, lẫn tay vào giấy mượn tiền có nội dung bà S mượn của bà G số tiền 40.000.000 đồng. Nhưng bà S không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, lời trình bày của bà S cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào “giấy mượn tiền” lập ngày 20/9/2016 thì hai bên thỏa thuận số tiền bà G cho bà S vay là 40.000.000 đồng, thời hạn trả sau một tháng, tức là ngày 20/10/2016 bà S phải trả cho và G, nhưng đến nay bà S chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả một lần cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.00 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với khoản nợ vay 40.000.000 đồng ngày 20/9/2016 theo mức lãi suất 0.75%/tháng tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/3/2017 là 1.500.000 đồng đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Văn C chịu trách nhiệm cùng bà S trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà S xác định việc bà vay tiền của bà G, bà không cho ông C biết; mục đích bà vay tiền là để tiêu xài cá nhân, không liên quan đến ông C. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2017 ông C cũng xác định việc bà S vay mượn tiền của bà G như thế nào ông không biết và cũng không nghe bà S nói gì; số tiền bà S vay của bà G không sử dụng chung trong gia đình; ông C có việc làm và có thu nhập ổn định nên không phải vay mượn tiền của ai. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng số tiền bà S vay của nguyên đơn mục đích để sử dụng chung trong gia đình, chữa bệnh cho ông C, mua xe bánh mì và làm sổ đỏ, nhưng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Văn C cùng bà S trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà S đồng ý trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi tính trên số tiền 20.000.000 đồng cho bà G, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu của bà S không được bà G đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của bà S.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Phan Thị S.

Buộc bà Phan Thị S trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.500.000 đồng. Tổng cộng bà Phan Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc buộc ông Đỗ Văn C cùng bà Phan Thị S thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà Nguyễn Thị G.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị S phải nộp 2.075.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004104 ngày 16/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết